

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **512** /TT-QLCL
V/v thực hiện chứng nhận, công bố hợp quy
phân bón hữu cơ và phân bón khác theo quy
định của Nghị định số 202/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **31** tháng **3** năm 2014

Kính gửi: - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố;
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy phân bón.

Ngày 27/11/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón (Nghị định số 202/2013/NĐ-CP), Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/02/2014.

Trách nhiệm quản lý nhà nước về phân bón của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP "*Quản lý sản xuất, kinh doanh, chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác*".

Trong khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân bón hữu cơ, phân bón khác; Thông tư hướng dẫn, quy định cụ thể một số Điều của Nghị định số 202/2013/NĐ-CP; căn cứ công văn số 2114/BCT-HC ngày 19/3/2014 của Bộ Công Thương, Cục Trồng trọt hướng dẫn tạm thời hoạt động chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phân bón hữu cơ, phân bón khác như sau:

1. Loại phân bón, chỉ tiêu phân bón phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy được quy định tại Phụ lục 1 gửi kèm theo công văn này.

2. Chỉ tiêu định lượng bắt buộc trong phân bón phục vụ cho hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy được quy định tại Phụ lục 2 gửi kèm theo công văn này.

3. Phương thức đánh giá hợp quy

- Đối với phân bón sản xuất trong nước: Phương thức 5 được quy định tại Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy (Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT).

- Đối với phân bón nhập khẩu: Phương thức 7 được quy định tại Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT

4. Căn cứ chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy

Phụ lục 1 và Phụ lục 2 tại công văn số 2114/BCT-HC ngày 19/3/2014 của Bộ Công thương về việc triển khai thực hiện Nghị định số 202/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý phân bón.

5. Giấy chứng nhận hợp quy bổ sung nội dung: Phương thức chứng nhận hợp quy, hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy.

6. Việc công bố hợp quy, tiếp nhận công bố hợp quy thực hiện theo quy định của Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT.

7. Hoạt động lấy mẫu phân bón thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 19 Chương III Nghị định số 202/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý phân bón.

8. Hoạt động thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 19 Chương III Nghị định số 202/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý phân bón.

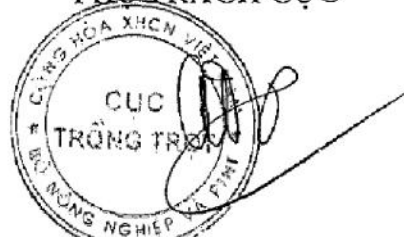
9. Danh sách các tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định tham gia hoạt động chứng nhận hợp quy phân bón hữu cơ, phân bón khác chi tiết tại Phụ lục 3 gửi kèm theo công văn này.

Cục Trồng trọt thông báo để các đơn vị được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Lê Quốc Doanh (để b/c);
- Cục Hóa chất - BCT;
- Tổng cục Hải quan (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLCL.

PHÓ CỤC TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH CỤC



Phạm Đông Quang

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 70/SY-VP:

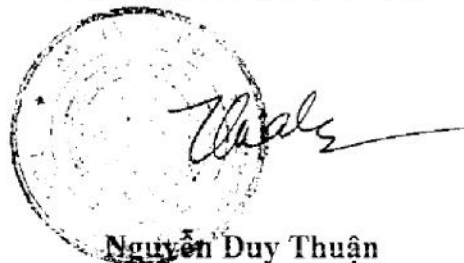
Nơi nhận:

- Cục Hải quan các tỉnh, TP;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2014

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Duy Thuận

Phụ lục 1

**DANH MỤC PHÂN BÓN HỮU CƠ, PHÂN BÓN KHÁC
PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY**

(Kèm theo Công văn số 512/TT-QLCL ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Cục Trồng trọt)



STT	LOẠI PHÂN BÓN	CHỈ TIÊU PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY
1	Phân hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng hữu cơ tổng số - Hàm lượng N_{ts} - Âm độ đối với dạng bột - pH H_2O, tỷ trọng đối với phân bón dạng lỏng
2	Phân hữu cơ sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng hữu cơ tổng số - Hàm lượng N_{ts} - Hàm lượng axit Humic đối với phân bón sản xuất từ nguồn than bùn - Các chất sinh học đối với phân bón sản xuất từ các nguồn hữu cơ khác ngoài than bùn - Âm độ đối với phân bón dạng bột - pH H_2O, tỷ trọng đối với phân bón dạng lỏng
3	Phân hữu cơ khoáng	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng hữu cơ tổng số - Âm độ đối với phân bón thể rắn - Tổng hàm lượng: $N_{ts} + P_2O_{5hh} + K_2O_{ht}$; $N_{ts} + P_2O_{5hh}$; $N_{ts} + K_2O_{ht}$; $P_2O_{5hh} + K_2O_{ht}$
4	Phân hữu cơ vi sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Âm độ đối với phân bón dạng bột - Hàm lượng hữu cơ tổng số - Mật độ mỗi chủng vi sinh vật có ích đăng ký
5	Phân vi sinh vật	<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ mỗi chủng vi sinh vật có ích đăng ký
6	Phân bón có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng mỗi chất điều tiết sinh trưởng đăng ký - Tổng hàm lượng các chất điều tiết sinh trưởng đăng ký
7	Các loại phân bón: Hữu cơ; Hữu cơ khoáng; Hữu cơ vi sinh; Hữu cơ sinh học sản xuất từ nguyên liệu là rác thải đô thị, phế thải công nghiệp chế biến từ nông sản, thực phẩm, phế thải chăn nuôi.	<ul style="list-style-type: none"> - Asen (As), - Cadimi (Cd), - Chì (Pb), - Thủy ngân (Hg), - Mật độ Salmonella,

Phụ lục 2
CHỈ TIÊU ĐỊNH LƯỢNG BẮT BUỘC TRONG
PHÂN BÓN HỮU CƠ, PHÂN BÓN KHÁC

(Kèm theo công văn số **512** /TT-QLCL ngày **31** tháng **3** năm **2014** của Cục Trồng trọt)

STT	Chỉ tiêu	Định lượng bắt buộc
1	Phân hữu cơ khoáng	
	- Hàm lượng hữu cơ tổng số	Không thấp hơn 15%
	- Âm độ: đối với phân bón dạng bột	Không vượt quá 25%
	- Tổng hàm lượng $N_{ts} + P_2O_{5hh} + K_2O_{hh}$; $N_{ts} + P_2O_{5hh}$; $N_{ts} + K_2O_{hh}$; $P_2O_{5hh} + K_2O_{hh}$	Không thấp hơn 8%
2	Phân hữu cơ	
	- Âm độ đối với phân bón dạng bột	Không vượt quá 25%
	- Hàm lượng hữu cơ tổng số	Không thấp hơn 22%
	- Hàm lượng đạm tổng số (N_{ts})	Không thấp hơn 2,5%
	- pH_{H_2O} (đối với phân hữu cơ bón qua lá)	Trong khoảng từ 5 - 7
3	Phân hữu cơ sinh học	
	- Âm độ đối với phân bón dạng bột	Không vượt quá 25%
	- Hàm lượng hữu cơ tổng số	Không thấp hơn 22%
	- Hàm lượng N_{ts}	Không thấp hơn 2,5%
	- Hàm lượng axit Humic (đối với phân chế biến từ than bùn)	Không thấp hơn 2,5%
	- Tổng hàm lượng các chất sinh học (đối với phân chế biến từ nguồn hữu cơ khác)	Không thấp hơn 2,0%
	- pH_{H_2O} (đối với phân hữu cơ sinh học bón qua lá)	Trong khoảng từ 5-7
4	Phân hữu cơ vi sinh	
	- Âm độ đối với phân bón dạng bột	Không vượt quá 30%
	- Hàm lượng hữu cơ tổng số	Không thấp hơn 15%
	- Mật độ mỗi chủng vi sinh vật có ích	Không thấp hơn 1×10^6 CFU/g (ml)
5	Phân vi sinh vật	
	- Mật độ mỗi chủng vi sinh vật có ích	Không thấp hơn 1×10^8 CFU/g (ml)
6	Phân có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng	
	- Tổng hàm lượng các chất điều tiết sinh trưởng	Không vượt quá 0,5%
7	Phân bón hữu cơ; hữu cơ khoáng; hữu cơ vi sinh; hữu cơ sinh học sản xuất từ nguyên liệu là rác thải đô thị, từ phế thải công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, phế thải chăn nuôi; phân bón lá có nguồn gốc hữu cơ	
	- Hàm lượng Asen (As)	Không vượt quá 3,0 mg/kg (lít) hoặc ppm
	- Hàm lượng Cadimi (Cd)	Không vượt quá 2,5 mg/kg (lít) hoặc ppm
	- Hàm lượng Chì (Pb)	Không vượt quá 300,0 mg/kg (lít) hoặc ppm
	- Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	Không vượt quá 2,0 mg/kg (lít) hoặc ppm
	- Mật độ Vi khuẩn Salmonella	Không phát hiện trong 25g hoặc 25 ml mẫu kiểm tra (CFU)

Phụ lục 3

Danh sách các tổ chức chứng nhận hợp quy Cục Trồng trọt chỉ định
(Kèm theo công văn số 512 /TT-QLCL ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Cục Trồng trọt)



TT		SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY QUYẾT ĐỊNH	MÃ SỐ
1	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quatest 3) <i>Địa chỉ: 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh</i>	348/QĐ-TT-QLCL	11/9/2010 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 10-02
2	Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng 2 <i>Địa chỉ: Số 31, đường Ngũ Hành Sơn, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng</i>	398 /QĐ-TT-QLCL	29/9/2010 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 10-03.
3	Công ty cổ phần giám định và khử trùng FCC <i>Địa chỉ: Số 45, Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, tp Hồ Chí Minh</i>	515/QĐ-TT-QLCL	29/11/2010 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 10-04
4	Công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu (CAFECONTROL) <i>Địa chỉ: Số 228 Pasteur, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh</i>	517/QĐ-TT-QLCL	29/11/2010 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 10-05
5	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 <i>Địa chỉ: Số 97, Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng</i>	631/QĐ-TT-QLCL	23/12/2010 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 10-06
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol <i>Địa chỉ: Số 54, Trần Nhân Tông, Hà Nội</i>	28/QĐ-TT-QLCL	25/01/2011 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 11-01
7	Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy - Công ty cổ phần công nghệ Cát Việt <i>Địa chỉ: 123 Nguyễn Đức Trung, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, tp Đà Nẵng</i>	245 /QĐ-TT-QLCL	13/6/2012 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 12-01
8	Công ty TNHH KENCERT	546 /QĐ-TT-QLCL	16 /11/ 2012 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 12-02

	<i>Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, thành phố Đà Nẵng</i>			
9	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón vùng nam Bộ <i>Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Chí Thanh, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh</i>	548/QĐ-TT-QLCL	19/11/2012 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 12-03
10	Công ty cổ phần chứng nhận GLOBALCERT <i>Địa chỉ: Số 79 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng</i>	569/QĐ-TT-QLCL	22/11/2012 (Hiệu lực 5 năm)	TCCN-PB 12-04
11	Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia <i>Số 06 Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà Nội</i>	589/QĐ-TT-QLCL	30/11/2012 (Hiệu lực 3 năm)	TCCN-PB 12-05
12	Trung tâm Chứng nhận Phù hợp – QUACERT <i>Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội</i>	310/QĐ-TT-QLCL	26/7/2013 (Hiệu lực 3 năm)	01-0006-BNN
13	Công ty cổ phần chứng nhận và giám định Vinacert <i>Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội</i>	348/QĐ-TT-QLCL	08/8/2013 (Hiệu lực 3 năm)	01-0010-BNN